

*

Cao Bằng, ngày 10 tháng 01 năm 2023

ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 11 (huyện Bảo Lạc)

Hệ đào tạo: Không tập trung

Thời gian học từ ngày 24/12/2021 đến ngày 18/01/2023

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
1	Nông Thị Anh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
2	Lê Minh Châu	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
3	Vi Xuân Chiêu	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt
4	Hoa Văn Chương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
5	Bế Văn Cừ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
6	Nguyễn Thị Diên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
7	Nông Văn Diệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
8	Lục Đức Doanh	4,00	3,00	1,25	8,25	Tốt
9	Nông Bằng Du	4,00	3,00	1,5	8,50	Tốt
10	Hoàng Lương Dũng	4,00	3,00	1,75	8,75	Tốt
11	Lê Thùy Dương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
12	Nông Thị Duyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
13	Tô Thị Đào	4,00	3,00	1,5	8,50	Tốt
14	Nguyễn Duy Đạo	4,00	3,00	1,25	8,25	Tốt
15	Hoàng Quốc Đạt	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
16	Nguyễn Thuý Diệp	4,00	3,00	1,75	8,50	Tốt
17	Lương Văn Đồng	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
18	Hoàng Quyết Được	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
19	Nông Thị Hiền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
20	Linh Thị Hiền	4,00	3,00	2,00	8,75	Tốt
21	Diêu Thị Hiền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
22	Lục Văn Hiệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
23	Nguyễn Hải Hiếu	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
24	Lục Văn Hoan	4,00	3,00	1,25	8,25	Tốt
25	Tô Văn Hoàng	4,00	3,00	1,75	8,75	Tốt
26	Ma Văn Hội	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
27	Trịnh Thu Huệ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
28	Nông Thị Minh Huệ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
29	Hoàng Thị Kim Huệ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
30	Nguyễn Thị Minh Huệ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
31	Nông Thanh Hương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt

Handwritten signature

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
32	Cao Thị Thanh Hương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
33	Nguyễn Thu Hương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
34	Nguyễn Thị Hương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
35	Phạm Thị Thu Hương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
36	Dương Thị Huyền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
37	Hoàng Long Huyền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
38	Trịnh Thị Huyền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
39	Mã Thị Kiều	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
40	Bê Thị Lan	4,00	3,00	1,75	8,50	Tốt
41	Hà Thị Lệ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
42	Hoàng Văn Lân	4,00	3,00	2,00	8,75	Tốt
43	Nông Thúy Liễu	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
44	Triệu Dùn Lụa	4,00	3,00	1,5	8,50	Tốt
45	Lục Thị Lương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
46	Tô Thị Luyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
47	Diêu Thị Mai	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
48	Tô Thị Mai	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
49	Nguyễn Thị Mạnh	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt
50	Hoàng Thị Minh	4,00	3,00	1,75	8,75	Tốt
51	Đoàn Thị Mùi	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
52	Hoàng Thị Nga	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
53	Mã Văn Ngoạt	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
54	Tô Thị Nguyệt	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
55	Lãnh Thị Nhâm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
56	Nông Hồng Như	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
57	Tô Hồng Nhung	4,00	3,00	1,25	8,25	Tốt
58	Lý Hồng Quang	4,00	3,00	1,75	8,75	Tốt
59	Lãnh Văn Quanh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
60	Nông Phúc Sơn	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
61	Trương Thị Thân	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
62	Hoàng Văn Thềm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
63	Vàng Thị Thìa	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
64	Lưu Hồng Thúy	4,00	3,00	1,75	8,75	Tốt
65	Nguyễn Thị Hồng	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
66	Triệu Quốc Trịnh	4,00	3,00	1,25	8,25	Tốt
67	Hoàng Gia Tự	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
68	Lục Thanh Tuyền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
69	Phạm Hà Vân	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
70	Mông Thị Hồng Vân	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
71	Công Thị Vê	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
72	Lý Thị Xoan	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
73	Diêu Văn Xuyên	4,00	3,00	1,25	8,25	Tốt
74	Phùng Văn Tập	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt

GHI ĐIỂM



Hoàng Kim Huệ

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Đoàn Thị Vân Thúy

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Ánh Hoa